

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 117/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu

2. Bà Trần Thị Kim Đồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị K, sinh năm 1970 “vắng mặt”.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã K, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2021 và các lời KH trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng hôn nhân từ năm 1988, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký K hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu chị và anh H sống hạnh P, sau này có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Chị và anh H không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Xét thấy cuộc sống không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung có ba con chung là Nguyễn Văn P, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Chí L, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn D, sinh năm 1996, hiện các con đã trưởng thành, không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị K, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh H không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp cho nên không tiến hành phiên họp được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua K quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H, địa chỉ: ấp K, xã Q, huyện R, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký K hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị K và anh H có ba con chung là Nguyễn Văn P, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Chí L, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn D, sinh năm 1996, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị K.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị K nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) chị K đã nộp theo biên lai thu số 0017037 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong